

Bản án số: 31/2023/KDTM-ST

Ngày: 11/9/2023

Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - Thẩm phán Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà **Đào Phương Mai** và Ông **Đoàn Hồng Sơn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Linh Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Huyền Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2023/TB-TLST ngày 03/01/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 40/2023/QĐXXST-KDTM ngày 05/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2023/QĐST-KDTM ngày 23/8/2023, giữa:

***Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X (E hoặc Ngân hàng).** Địa chỉ trụ sở: Tầng T, văn phòng số L Tòa nhà V, số B L1, phường B1, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L1 – Chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ liên hệ: Tầng MH, Tòa nhà số H1 phố T1, Tr, Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Vũ Nhật Th theo Giấy ủy quyền số 01/2023/EIBĐĐ/UQ-GĐ ngày 03/01/2023.

(Bà Th có mặt tại phiên tòa)

***Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ1.** Trụ sở (đồng thời là địa chỉ nhận thông báo thuế): S M, tầng B2, Tòa nhà S1, Số M1 Đ2, phường Tr1, H, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thu H2. Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ văn phòng kinh doanh: Phòng HK, Chung cư BS, ngõ H3 phố L2, phường V, quận H4, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 0989608xxx.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tiến D. HKTT: Số MB, ngõ H5, phố T2, phường Tr2, quận H6, thành phố Hà Nội. ĐT: 0899808xxx. Theo Giấy ủy quyền ngày 04/5/2023.

(Bà H2, ông D vắng mặt tại phiên tòa)

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Phạm Quốc L3**, sinh năm 1998, HKTT: Thôn S, Đ3, Nh, Ninh Bình.
2. Anh **Hoàng Trung Th1**, sinh năm 2000, HKTT: Tiểu khu B3 Thị trấn H7, H7, Thanh Hóa.
3. Anh **Hoàng Thanh L4**, sinh năm 2002, HKTT: Thôn Đ4, Đ5, B4, Thanh Hóa.
4. Anh **Nguyễn Trọng Tài A**, sinh năm 1996, HKTT: Ph, A1, D1, Hải Phòng.

5. Chị **Hà Đình Ch**, sinh năm 2002, HKTT: Khu B5 L5, Ph1, Phú Thọ.
 6. Anh **Nguyễn Văn B6**, sinh năm 2005, HKTT: D2, T3, T4, Bắc Ninh 2
 7. Chị **Nguyễn Thị Thu Ph2**, sinh năm 2004, HKTT: Khu N K, M2, Quảng Ninh
 8. Chị **Lộc Thị Hải Y**, sinh năm 2004, HKTT: Xóm L6, Y1, Ph3, Thái Nguyên
 9. Chị **Diệp Thị Ng**, sinh năm 1994, HKTT: Thôn X, T5, B7, Hà Giang
 10. Chị **Phạm Thị Trang H8**, sinh năm 1997, HKTT: HK1 L7, C, Thành phố H9, Quảng Nam
 11. Anh **Trần Bảo Th2**, sinh năm 2001, HKTT: TDP Qu, H10, Đ6, Hải Phòng
 12. Anh **Hoàng Văn Qu1**, sinh năm 2000, HKTT: Đ7, NH, Tuyên Quang
 13. Anh **Ngô Mạnh T6**, sinh năm 1996, HKTT: Tổ HM, Ng, K, Hải Phòng
 14. Anh **Đào Quang H11**, sinh năm 2001, HKTT: Xóm C, Đ8, Đ9, Thái Nguyên
 15. Anh **Lê Tuấn A2**, sinh năm 2000, HKTT: Thôn V, Y2, Y3, Ninh Bình
 16. Chị **Bùi Mai A3**, sinh năm 1998, HKTT: Th3, Th4, Thái Bình. Cùng hiện ở tại: Số MB ngõ MC đường Gi, phường Ph4, quận Th5, thành phố Hà Nội.
 17. Ông **Nguyễn Hoàng V1**, sinh năm 1985; CMND: 077085000xxx; HKTT: BM BĐ, quận H4, Hà Nội. Địa chỉ liên lạc: Số MB ngõ MC đường Gi, phường Ph4, quận Th5, thành phố Hà Nội.
 18. **Công ty CP Ch1**. Trụ sở: Phòng HK, Chung cư BS, ngõ H3 phố L2, phường Th6, quận H4, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh T7– Giám đốc. Sinh năm: 1982. Địa chỉ thường trú và liên lạc của ông T7: Khu H12, thôn Qu2, xã M3, huyện Yên L3, tỉnh Phú Thọ. (Thông tin cũ: trụ sở: tại Số HB phố L8, phường Ph5, quận H4, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đức Th7 - Giám đốc)
- (Toàn bộ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:***

Căn cứ Giấy đề nghị cấp hạn mức tín dụng của Công ty Đ1, ngân hàng E đã thẩm định phương án vay vốn và cho công ty Đ1 vay vốn theo các hợp đồng cấp hạn mức tín dụng: 1. Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1703 –LAV- 210077580 ngày 02/11/2021:

- + Tổng hạn mức tín dụng được cấp: 11.900.000.000 đồng
- + Mục đích cấp hạn mức: Thanh toán tiền mua thực phẩm
- + Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng
- + Thời hạn cho vay từng lần nợ: 6 tháng
- + Lãi suất cho vay và chu kỳ thay đổi lãi suất: theo quy định tại khế ước nhận nợ.
- + Lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Khế ước nhận nợ số 1703 –LDS - 210000713 ngày 02/11/2021
 - + Số tiền vay: 3.960.000.000 đồng
 - + Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua thực phẩm
 - + Thời hạn vay: 06 tháng kể từ 02/11/2021
 - + Lãi suất cho vay: 8,3%/năm
- Khế ước nhận nợ số 1703 –LDS - 210000721 ngày 03/11/2021
 - + Số tiền vay: 4.426.706.280 đồng

- + Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua thực phẩm
- + Thời hạn vay: 06 tháng kể từ 03/11/2021
- + Lãi suất cho vay: 8,3%/năm
- Khế ước nhận nợ số 1703 –LDS - 210000723 ngày 04/11/2021
- + Số tiền vay: 3.513.293.720 đồng
- + Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua thực phẩm
- + Thời hạn vay: 06 tháng kể từ 04/11/2021
- + Lãi suất cho vay: 8,3%/năm

2. Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1703 –LAV- 210007915 ngày 25/01/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 27/01/2022:

- + Tổng hạn mức tín dụng được cấp: 13.500.000.000 đồng
- + Mục đích cấp hạn mức: Thanh toán tiền mua thực phẩm
- + Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng
- + Thời hạn cho vay từng lần nợ: 6 tháng
- + Lãi suất cho vay và chu kỳ thay đổi lãi suất: theo quy định tại khế ước nhận nợ.
- + Lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Khế ước nhận nợ số 1703-LDS-20000087 ký ngày 27/01/2021:
- + Số tiền vay: 1.600.000.000 đồng
- + Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua thực phẩm
- + Thời hạn vay: 06 tháng kể từ 27/01/2021
- + Lãi suất cho vay: 8,3%/năm

3. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 01/11/2021 giữa ngân hàng và ông Nguyễn Hoàng V1, có tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên diện tích 145.2 m² đất tại thửa đất số: 14AB, tờ bản đồ số 5H-I-28+5H-I-29, địa chỉ thửa đất tại: Số MB ngõ MC đường Gi, phường Ph4, quận Th5, TP. Hà Nội được cấp GCN QSDĐ số BC 048000, số vào sổ cấp GCN: CH00100 do UBND Quận Th5 cấp ngày 11/10/2010, chủ tài sản: Ông Nguyễn Hoàng V1.

Hợp đồng đã được công chứng tại Phòng công chứng số B8, thành phố Hà Nội, số công chứng 4314 quyền số 09/2021 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 01/11/2021.

Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – CN Quận Th5 ngày 01/11/2021.

Theo thông tin của ngân hàng, chúng tôi khẳng định ông Nguyễn Hoàng V1 đang quản lý, sử dụng tài sản bảo đảm trong vụ án.

Thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp ngày 01/11/2021, ông Nguyễn Hoàng V1 và bà Bùi Thị Thu H2 (hiện là người đại diện theo pháp luật của bị đơn) tồn tại quan hệ hôn nhân, có văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân được công chứng tại Văn phòng công chứng H4, thành phố Hà Nội.

Tổng số tiền gốc lãi bị đơn đã trả được tính đến ngày 13/6/2023 cụ thể:

- Gốc: 0 đồng
- Lãi và phí: 308.728.263 đồng;

4. Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 09/2022/EIB/HĐTC ngày 27/01/2022 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hà nội ngày 27/01/2022, số đăng ký 1444803169. Nội dung của hợp đồng là quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán (hợp đồng kinh tế) số

1003/HĐMB/TH-NNS ngày 10/03/2021 ký giữa Công ty Cổ phần Đ1 và Công ty 4 Cổ phần Ch1. Trị giá hợp đồng mua bán (hợp đồng kinh tế) số 1003/HĐMB/TH-NNS ngày 10/03/2021 là 3.309.825.000 đồng;

*Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả được cho E: 308.728.263 đồng. Tính đến ngày 13/6/2023, Công ty CP Đ1 còn phải trả cho E 15.836.117.279 đồng gồm:

+ Nợ gốc: 13.500.000.000 đồng

+ Nợ lãi: 2.336.117.279 đồng;

Lãi trên dư nợ gốc trong hạn: 236.141.432 đồng;

Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 2.072.558.317 đồng;

Lãi phạt trên lãi chậm trả: 27.417.530 đồng;

Ngân hàng hiện vẫn liên lạc, làm việc với bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 khi tiến hành khởi kiện. Đối với Công ty Cổ phần Ch1 ngân hàng không liên lạc được, lý do Công ty Cổ phần Ch1 không còn hoạt động, kinh doanh, treo biển hiệu tại địa chỉ đăng ký trụ sở.

*Về việc giải ngân số tiền vay theo 04 khế ước nhận nợ của bị đơn, nguyên đơn đã thực hiện chuyển khoản vào tài khoản của đối tác của bị đơn để thanh toán tiền hàng.

* Về ngày chuyển nợ quá hạn: Tính từ ngày 25/2/2022, bị đơn dừng việc trả nợ gốc lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

* Ngoài hai hợp đồng tín dụng theo yêu cầu khởi kiện, giữa ngân hàng E và Công ty Đ1 không ký kết hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng nào khác.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty Đ1 phải thanh toán toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1703 - LAV- 210077580 ngày 02/11/2021, Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1703 - LAV- 220007915 ngày 25/01/2022 kèm Hợp đồng sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 27/01/2022 và các khế ước nhận nợ kèm theo với tổng số tiền: 15.836.117.279 đồng (Bao gồm nợ gốc là: 13.500.000.000 đồng; nợ lãi là: 2.336.117.279 đồng) – Tam tính đến 13/6/2023. Tiền lãi tiếp tục tính cho đến khi Công ty Cổ phần Đ1 trả xong nợ theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

2. Buộc bên thế chấp là Ông Nguyễn Hoàng V1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho Công ty Cổ phần Đ1 theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

3. Buộc Công ty Cổ phần Ch1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ1 theo hợp đồng kinh tế số 1003/HĐMB/TH-NNS ngày 10/03/2021, phụ lục hợp đồng số 01/PLID ký ngày 15/11/2021 và E được quyền ưu tiên nhận số tiền 3.309.825.000 đồng và lãi phát sinh (nếu có) mà Công ty Cổ phần Ch1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ1 theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 09/2022/EIB/HĐTC đã ký ngày 27/01/2022.

4. Trường hợp Công ty Cổ phần Đ1 không trả được nợ cho Ngân hàng; Ông Nguyễn Hoàng V1 không thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh theo hợp đồng thế chấp đã ký và Công ty Cổ phần Ch1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng được quyền:

a) Phát mại tài sản bảo đảm hoặc đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác 5 gắn liền với đất trên diện tích 145.2 m2 đất tại thửa đất số: 14AB, tờ bản đồ số 5H-1-28+5H-I-29, địa chỉ thửa đất tại: Số MB ngõ MC đường Gi, phường Ph4,

quận Th5, TP. Hà Nội được cấp GCN QSDĐ số BC 048000, số vào sổ cấp GCN: CH00100 do UBND Quận Th5 cấp ngày 11/10/2010 theo quy định của Pháp luật về bản đầu giá tài sản để thu hồi nợ.

b) Được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh về Công ty Cổ phần Ch1 và thu hồi số tiền 3.309.825.000 đồng và lãi phát sinh (nếu có) để ưu tiên thanh toán nợ cho khoản vay của công ty Cổ Phần Đ1 tại Ngân hàng E

5. Nếu giá trị tài sản phát mại và số tiền Cơ quan Thi hành án chuyển giao cho E từ việc thu hồi khoản nợ của Công ty Cổ phần Ch1 đối với Công ty Cổ Phần Đ1 không đủ thanh toán nợ cho E thì Công ty Cổ Phần Đ1 tiếp tục có nghĩa vụ trả các khoản nợ gốc, lãi cho E theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi hết nợ.

***Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Nguyễn Tiến D có ý kiến tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/6/2023 như sau:**

Mặc dù ông D nhận sự ủy quyền của bị đơn - Công ty Đ1 nhưng ông D chưa nhận được tài liệu, văn bản nào liên quan đến sự việc tranh chấp. Ông D đề nghị ngân hàng hỗ trợ 50% án phí cho bị đơn khi giải quyết vụ việc do bị đơn đang gặp khó khăn kinh doanh. Ông D cũng chưa liên lạc được với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để xem xét cụ thể sự việc.

Tuy nhiên, ông D đã trao đổi với bà H2 và xác nhận việc bị đơn và nguyên đơn đã ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1703 –LAV- 210007915 ngày 25/01/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 27/01/2022; Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1703 –LAV- 210077580 ngày 02/11/2021; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 09/2022/EIB/HĐTC ngày 27/01/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 01/11/2021.

Ông D xác nhận tài sản bảo đảm trong vụ án là nhà đất Số MB ngõ MC đường Gi, phường Ph4, quận Th5, thành phố Hà Nội. Theo thông tin của bà H2, tài sản bảo đảm hiện đang cho thuê nhưng ai thuê và cụ thể như nào ông D sẽ kiểm tra và có văn bản gửi Tòa án.

Ông D sẽ giao nộp bản tự khai vào ngày 16/6/2023.

***Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, toàn bộ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không đến tòa, không có văn bản ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.**

***Tại phiên tòa:** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về số liệu nợ của bị đơn tính đến ngày 11/9/2023, đề nghị HĐXX buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền **16.345.804.328 đồng** (Mười sáu tỷ, ba trăm bốn mươi năm triệu, tám trăm linh tư nghìn, ba trăm hai mươi tám đồng), cụ thể là:

- + Nợ gốc: 13.500.000.000 đồng
- + Nợ lãi: 2,845,804,328 đồng;
- Lãi trên dư nợ gốc trong hạn: 236,141,432 đồng
- Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 2,576,422,701 đồng
- Lãi phạt trên lãi chậm trả: 33,240,195 đồng

KWNN	Đã trả		Còn phải trả	
	Gốc	Lãi & phí	Gốc	Lãi và phí

				<i>Lãi trên dư nợ gốc trong hạn</i>	<i>Lãi trên dư nợ gốc quá hạn</i>	<i>Lãi phạt trên lãi chậm trả</i>	<i>T</i>
210000713	0	103,619,761	3,960,000,000	59,432,548	765,983,343	8,431,134	83
210000721	0	114,797,803	4,426,706,280	67,443,599	854,730,280	9,552,969	93
210000723	0	90,310,699	3,513,293,720	54,326,108	677,151,270	7,688,611	73
220000087	0	0	1,600,000,000	54,939,177	278,557,808	7,567,481	34
Tổng cộng	0	308,728,263	13,500,000,000	236,141,432	2,576,422,701	33,240,195	2,84

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên có vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, các đương sự khác không chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau phân tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật trong vụ án: Tranh chấp trong vụ việc là quan hệ kinh doanh thương mại với mục đích lợi nhuận giữa hai pháp nhân, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại.

Bị đơn có trụ sở tại S M, tầng B2, Tòa nhà S1, Số M1 Đ2, phường Tr1, quận H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý và giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Ngày 23/8/2023, tại phiên tòa, có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có lý do. Ngày 11/9/2023, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt bị đơn (*có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa*) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Quá trình giải quyết vụ án, toàn bộ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không đến tòa, không có văn bản ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, HĐXX thấy rằng các đương sự đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Xét Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1703 –LAV- 210077580 ngày 02/11/2021 (**BL 177- 191**), Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1703 –LAV -220007915 ngày 25/01/2022 (**BL 62 -77, 196-210**), Hợp đồng sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 27/01/2022 (**BL 60, 61; 194, 195**), đã ký kết giữa hai bên đều có hình thức bằng văn bản, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng và đảm bảo về chủ thể ký kết hợp đồng nên không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định của Bộ Luật dân sự.

[3.2]. Xét việc thực hiện Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1703 –LAV- 210077580 ngày 02/11/2021 (**BL 177- 191**): Hai bên đã ký kết 03 khế ước nhận nợ, nguyên đơn đã tiến hành giải ngân số tiền nhận nợ theo hình thức chuyển khoản ủy nhiệm chi đến tài khoản của người bán hàng, số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/8/2023, cụ thể:

1. Khế ước nhận nợ số 1703 –LDS - 210000713 ngày 02/11/2021;

- Số tiền vay: 3.960.000.000 đồng: giải ngân đến Công ty CP M4 để thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 04 ngày 11/10/2021

- Tổng số tiền đã trả: 103.619.761 đồng lãi và phí

- Ngày 25/02/2022 khoản nợ chuyển sang quá hạn, tính đến nay bị đơn không thanh toán tiếp tục cho ngân hàng.

- Tổng gốc và lãi chưa trả: 4.695.237.430 đồng

+ Nợ gốc: 3.960.000.000 đồng

+ Nợ lãi: 735.237.430 đồng;

Lãi trên dư nợ gốc trong hạn: 59.432.548 đồng;

Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 667.683.123 đồng;

Lãi phạt trên lãi chậm trả: 8.121.759 đồng;

2. Khế ước nhận nợ số 1703 –LDS - 210000721 ngày 03/11/2021;

- Số tiền vay: 4.426.706.280 đồng giải ngân đến Công ty TNHH X Nông sản T9 theo Hợp đồng mua bán ngày 20/10/2021 số tiền 1.756.706.280 đồng và Công ty CP M4 để thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 05 ngày 13/10/2021 số tiền 2.670.000.000 đồng;

- Tổng số tiền đã trả: 114.797.803 đồng lãi và phí

- Ngày 25/02/2022 khoản nợ chuyển sang quá hạn, tính đến nay bị đơn không thanh toán tiếp tục cho ngân hàng.

- Tổng gốc và lãi chưa trả: 5.248.196.650 đồng

+ Nợ gốc: 4.426.706.280 đồng

+ Nợ lãi: 821.490.370 đồng;

Lãi trên dư nợ gốc trong hạn: 67.443.599 đồng;

Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 744.844.877 đồng;

Lãi phạt trên lãi chậm trả: 9.201.894 đồng;

3. Khế ước nhận nợ số 1703 –LDS - 210000723 ngày 04/11/2021;

- Số tiền vay: 3.513.293.720 đồng giải ngân đến Công ty CP M4 để thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 05 ngày 13/10/2021;

- Ngày 25/02/2022 khoản nợ chuyển sang quá hạn, tính đến nay bị đơn không thanh toán tiếp tục cho ngân hàng.

- Tổng gốc và lãi chưa trả: 4.224.744.347 đồng

+ Nợ gốc: 3.513.293.720 đồng

+ Nợ lãi: 711.450.627 đồng;

Lãi trên dư nợ gốc trong hạn: 54.326.108 đồng;

Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 649.718.702 đồng;

Lãi phạt trên lãi chậm trả: 7.405.817 đồng;

[3.3]. Xét việc thực hiện Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1703 –LAV - 220007915 ngày 25/01/2022 (**BL 62 -77, 196-210**), Hợp đồng sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 27/01/2022 (**BL 60, 61; 194, 195**): Hai bên đã ký kết 01 khế ước nhận nợ, nguyên đơn đã tiến hành giải ngân số tiền nhận nợ theo hình thức chuyển khoản ủy nhiệm chi đến tài khoản của người bán hàng, số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/8/2023, cụ thể:

Khế ước nhận nợ số 1703 –LDS - 210000087 ngày 27/01/2022;

- Số tiền vay: 1.600.000.000 đồng: giải ngân đến Công ty CP M4 để thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 01 ngày 20/01/2022;

- Tổng số tiền đã trả: 103.619.761 đồng lãi và phí

- Ngày 25/02/2022 khoản nợ chuyển sang quá hạn, tính đến nay bị đơn không thanh toán tiếp tục cho ngân hàng.

- Tổng gốc và lãi chưa trả: 1.928.285.331 đồng

+ Nợ gốc: 1.600.000.000 đồng

+ Nợ lãi: 328.385.331 đồng;

Lãi trên dư nợ gốc trong hạn: 236.141.432 đồng;

Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 2.328.311.359 đồng;

Lãi phạt trên lãi chậm trả: 32.010.967 đồng;

[3.3]. Xét bị đơn đã vi phạm thỏa thuận về việc trả khoản vay cho nguyên đơn, việc áp dụng lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng của nguyên đơn đối với bị đơn đã thực hiện theo đúng thỏa thuận ký kết. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả nợ theo số liệu đã trình bày tại phiên tòa và nghĩa vụ tiếp theo theo các văn bản tín dụng đã ký kết.

[3.4]. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 01/11/2021 (**BL 40-51; 160-173**) có hình thức bằng văn bản, do người có thẩm quyền ký kết, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng, ngày 13/02/2018 đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Th5, không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định của Bộ Luật dân sự.

* Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên diện tích 145.2 m2 đất tại thửa đất số: 14AB, tờ bản đồ số 5H-I-28+5H-I-29, địa chỉ thửa đất tại: Số MB ngõ MC đường Gi, phường Ph4, quận Th5, TP. Hà Nội được cấp GCN QSDĐ số BC 048000, sổ vào sổ cấp GCN: CH00100 do UBND Quận Th5 cấp ngày 11/10/2010, chủ tài sản: Ông Nguyễn Hoàng V1.

Hợp đồng ghi nhận đặc điểm tài sản thế chấp có diện tích xây dựng 100m2 đã xây 05 tầng, kết cấu bê tông.

* Điều 1 khoản 2, khoản 3 của hợp đồng thế chấp các bên thỏa thuận:

“Nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ của Công ty CP Đ1 tại E phát sinh theo (các) hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm, bao gồm nhưng không giới hạn các nghĩa vụ trả nợ sau: nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn, phí, khoản phạt. Các khoản E ứng trước để trả thay cho Công ty CP Đ1, Bên thế chấp, khoản bồi thường thiệt hại (nếu có)”

“Tổng nghĩa vụ được bảo đảm của Công ty CP Đ1 theo hợp đồng này bao gồm các khoản nợ gốc, số dư bảo lãnh tại mọi thời điểm là 14.958.000.000 đồng và

các khoản nợ lãi, lãi quá hạn, tiền phạt, phí và các chi phí có liên quan khác”

*Điều 7 khoản 6 thỏa thuận: Ông Nguyễn Hoàng V1 đồng ý toàn bộ hoa lợi, lợi tức, vật phụ, cây trồng, trang thiết bị kèm theo, vật kiến trúc, diện tích cải tạo, đầu tư, xây dựng thêm gắn liền với đất hoặc tài sản khác có được từ việc khai thác, sử dụng tài sản và các quyền phát sinh thuộc tài sản bảo đảm cũng thuộc tài sản bảo đảm.

[3.4.1]. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nghĩa vụ của người thế chấp đã phát sinh hiệu lực theo quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là có căn cứ chấp nhận.

[3.5]. Xét Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 09 ngày 27/01/2022 (**BL 143-153**) căn cứ trên Hợp đồng mua bán số 1003/2021/HĐMB/TH-NNS ngày 10/3/2021 (**BL138-142**) với giá trị hợp đồng là 3.309.825.000 đồng:

[3.5.1]. Hợp đồng mua bán số 1003/2021/HĐMB/TH-NNS ngày 10/3/2021 (**BL138-142**) giữa Công ty CP Đ1 và Nguyễn Công ty CP Ch1: có hình thức bằng văn bản, do người có thẩm quyền ký kết, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng, hàng hóa giao dịch là hoa quả không thuộc danh sách hàng cấm, hàng lậu, hai bên đã lập biên bản giao nhận hàng hóa, biên bản đối chiếu công nợ, Công ty CP Đ1 đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với giao dịch mua bán.

Công ty CP Đ1 và Nguyễn Công ty CP Ch1 đã thay đổi nội dung thanh toán theo phụ lục hợp đồng ngày 15/11/2021: gia hạn thời hạn hợp đồng và thời hạn thanh toán đến ngày 31/5/2022.

[3.5.2]. Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 09 ngày 27/01/2022: có hình thức bằng văn bản, do người có thẩm quyền ký kết, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng, Hợp đồng mua bán cũng đã được đăng ký trực tuyến tài sản bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký giao dịch bảo đảm – Bộ Tư pháp ngày 27/01/2022 (*việc đăng ký căn cứ trên thỏa thuận giữa các bên*), nội dung thỏa thuận không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định của Bộ Luật dân sự.

[3.5.3]. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh về Nguyễn Công ty CP Ch1 và thu hồi số tiền 3.309.825.000 đồng và lãi phát sinh (nếu có) để ưu tiên thanh toán nợ cho khoản vay của Công ty Cổ Phần Đ1 tại Ngân hàng E là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bồi các lễ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 114; Điều 124; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 116, 117, 122, 130, 131, 288, 298, 299, 301, 317, 318, 319, 320, 327 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010;

- Điều 2, 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Án lệ số 08 do Hội Đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh Án Tòa án nhân dân Tối cao;

- Điều 8 khoản 1 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản; lãi suất trung bình trên thị trường; quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTWQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP X Việt Nam đối với bị đơn - Công ty Cổ Phần Đ1;

1. Buộc Công ty Cổ Phần Đ1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X Việt Nam toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1703 –LAV-210077580 ngày 02/11/2021, Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1703 –LAV -220007915 ngày 25/01/2022 kèm Hợp đồng sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 27/01/2022 và các khế ước nhận nợ kèm theo tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2023 với tổng số tiền: **16.345.804.328 đồng (Mười sáu tỷ, ba trăm bốn mươi năm triệu, tám trăm linh tư nghìn, ba trăm hai mươi tám đồng), cụ thể là:**

1.1. Khế ước nhận nợ số 1703 –LDS - 210000713 ngày 02/11/2021

+ Nợ gốc: 3.960.000.000 đồng

+ Nợ lãi: 833,847,025 đồng

Lãi trên dư nợ gốc trong hạn: 59,432,548 đồng

Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 765,983,343 đồng

Lãi phạt trên lãi chậm trả: 8,431,134 đồng

1.2. Khế ước nhận nợ số 1703 –LDS - 210000721 ngày 03/11/2021

+ Nợ gốc: 4.426.706.280 đồng

+ Nợ lãi: 931,726,848 đồng

Lãi trên dư nợ gốc trong hạn: 67,443,599 đồng

Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 854,730,280 đồng

Lãi phạt trên lãi chậm trả: 9,552,969 đồng

1.3. Khế ước nhận nợ số 1703 –LDS - 210000723 ngày 04/11/2021

+ Nợ gốc: 3.513.293.720 đồng

+ Nợ lãi: 739,165,989 đồng

Lãi trên dư nợ gốc trong hạn: 54,326,108 đồng

Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 677,151,270 đồng

Lãi phạt trên lãi chậm trả: 7,688,611 đồng

1.4. Khế ước nhận nợ số 1703 –LDS - 210000087 ngày 27/01/2022;

+ Nợ gốc: 1.600.000.000 đồng

+ Nợ lãi: 341,064,466 đồng

Lãi trên dư nợ gốc trong hạn: 54,939,177 đồng

Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 278,557,808 đồng

Lãi phạt trên lãi chậm trả: 7,567,481 đồng

2. Buộc Công ty Cổ Phần Đ1 có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền nợ lãi cho Ngân hàng TMCP X Việt Nam kể từ ngày 12/9/2023 cho đến khi Công ty Cổ phần Đ1 trả xong nợ theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1703 –LAV-210077580 ngày 02/11/2021, Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1703 –LAV -220007915 ngày 25/01/2022 kèm Hợp đồng sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 27/01/2022 và các khế ước nhận nợ kèm theo.

3. Trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP X Việt Nam thì Ngân hàng TMCP X Việt Nam có quyền:

3.1. Buộc bên thế chấp là Ông Nguyễn Hoàng V1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho Công ty Cổ phần Đ1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 01/11/2021.

3.2. Buộc Công ty Cổ phần Ch1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ1 theo hợp đồng kinh tế số 1003/HĐMB/TH-NNS ngày 10/03/2021, phụ lục hợp đồng số 01/PLID ký ngày 15/11/2021 và E được quyền ưu tiên nhận số tiền 3.309.825.000 đồng và lãi phát sinh (nếu có) mà Công ty Cổ phần Ch1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ1 theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 09/2022/EIB/HĐTC đã ký ngày 27/01/2022.

4. Trường hợp Công ty Cổ phần Đ1 không trả được nợ cho Ngân hàng; Ông Nguyễn Hoàng V1 không thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh theo hợp đồng thế chấp đã ký và Công ty Cổ phần Ch1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng được quyền:

4.1. Phát mại tài sản bảo đảm hoặc đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên diện tích 145.2 m² đất tại thửa đất số: 14AB, tờ bản đồ số 5H-1-28+5H-I-29, địa chỉ thửa đất tại: Số MB ngõ MC đường Gi, phường Ph4, quận Th5, TP. Hà Nội được cấp GCN QSDĐ số BC 048000, số vào sổ cấp GCN: CH00100 do UBND Quận Th5 cấp ngày 11/10/2010 theo quy định của Pháp luật về bán đấu giá tài sản để thu hồi nợ.

4.2. Được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh về Công ty Cổ phần Ch1 và thu hồi số tiền 3.309.825.000 đồng và lãi phát sinh (nếu có) để ưu tiên thanh toán nợ cho khoản vay của công ty Cổ Phần Đ1 tại Ngân hàng TMCP X Việt Nam.

4.3. Nếu giá trị tài sản phát mại và số tiền Cơ quan Thi hành án chuyển giao cho E từ việc thu hồi khoản nợ của Công ty Cổ phần Ch1 đối với Công ty Cổ Phần Đ1 không đủ thanh toán nợ cho E thì Công ty Cổ Phần Đ1 tiếp tục có nghĩa vụ trả các khoản nợ gốc, lãi cho E theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi hết nợ.

4.4. Trong trường hợp phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, nếu còn dư thì số dư được trả lại cho chủ tài sản thế chấp: ông Nguyễn Hoàng V1.

5. Trường hợp phải xử lý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, những người có hộ khẩu hoặc không có hộ khẩu nhưng thường xuyên sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên phần diện tích tài sản nhà, đất thế chấp phải có nghĩa vụ di dời tài sản và chuyển đi nơi khác để thi hành án.

II. Án phí:

Ngân hàng TMCP X Việt Nam được nhận lại **61.944.000 đồng (Sáu mươi một triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng)** tiền tạm ứng án phí đã nộp tại

Chi Cục Thi hành án dân sự. Biên lai tạm ứng án phí số AA/2020/0052077 ngày 29/12/2022.

Công ty Cổ Phần Đ1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **124.345.804 đồng (Một trăm hai mươi tư triệu, ba trăm bốn mươi năm nghìn, tám trăm linh tư đồng).**

III. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và toàn bộ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

IV. Về thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật: *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi Cục Thi hành án DS quận Hoàn Kiếm;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THU HÀ